API INVENTORIES ADJUSTORSET

Version	Date	Author	Description
1.0	11-Dec-2019		
1.1	20-Dec-2019		Add url API refer: product, location, rate limit.



Mục lục

1	Api	tạo phiếu điều chỉnh tồn kho của sản phẩm	 3
	•	Request	
		Response	
		liên quan	
		T Admin API rate limits	

1 Api tạo phiếu điều chỉnh tồn kho của sản phẩm

1.1 Request

Method	URL
POST	https://apis.haravan.com/com/inventories/adjustorset.json

STT	Thuộc tính	Mô tả
1	location_id (number)	 - là id của chi nhánh, lấy từ danh sách địa chỉ của shop. - tham khảo api location.

2	type (string)	 Kiểu phiếu điều chỉnh, gồm: + adjust: cộng thêm + set: ghi đè - Lưu ý: nếu không truyền thì default là adjust.
3	reason (string)	- Lý do tạo phiếu, gồm:
4	note (string)	Ghi chú
5	line_items (array)	 - Danh sách variant. - Lưu ý: + Lượng variant có thể xử lý tốt nhất là < 20 + Nếu số lượng nhiều thì nên chia ra nhiều lần.
5	product_id (number)	Id sản phẩm
7	product_variant_id (number)	Id variant
8	quantity (number)	Số lượng điều chỉnh hoặc ghi đè của variant

1.2 Response

Status	Response
200	{
	"inventory": {
	"id": 1000100210,
	"created_at": "2016-05-23T06:54:38.2086642Z",
	"updated_at": "2016-05-23T06:54:38.2086642Z",
	"adjust_number": "IA1000100200",

```
"tran_date": "2016-05-23T06:54:17.3838322Z",
                 "location_id": 92,
                 "total_quantity": 3,
                 "reason": "newproduct",
                 "note": "thêm mới",
                 "total_cost": 0,
                 "line_items": [
                    "id": 1000100207,
                    "product_id": 10000014909,
                    "product_variant_id": 10000081464,
                    "quantity": 3,
                    "cost_amount": 0
               // type = "set" và quantity bằng với số lượng hiện có của variant
200
                 "inventory": []
               Unauthorized
401
               Forbidden
403
               Not Found
403
               Rate limit
429
```

STT	Thuộc tính	Mô tả	

chỉ của shop tham khảo api location. 7 total_quantity (number) Tổng số lượng có trong line_items 8 reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	1		
3 updated_at (datetime) 4 adjust_number (string) 5 tran_date (datetime) 6 location_id (number) 7 total_quantity (number) 8 reason (string) Ngày update Mã phiếu điều chỉnh Thời gian phát sinh giao dịch điều chỉnh - là id của chi nhánh, lấy từ danh sách địa chỉ của shop tham khảo api location. 7 Tổng số lượng có trong line_items - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả		id (number)	Id của phiếu điều chỉnh
4 adjust_number (string) Mã phiếu điều chỉnh 5 tran_date (datetime) Thời gian phát sinh giao dịch điều chỉnh 6 location_id (number) - là id của chi nhánh, lấy từ danh sách địa chỉ của shop tham khảo api location. 7 total_quantity (number) Tổng số lượng có trong line_items 8 reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	2	created_at (datetime)	Ngày khởi tạo
tran_date (datetime) Thời gian phát sinh giao dịch điều chỉnh location_id (number) - là id của chi nhánh, lấy từ danh sách địa chỉ của shop tham khảo api location. Tổng số lượng có trong line_items reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	3	updated_at (datetime)	Ngày update
6 location_id (number) - là id của chi nhánh, lấy từ danh sách địa chỉ của shop tham khảo api location. 7 total_quantity (number) Tổng số lượng có trong line_items 8 reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	4	adjust_number (string)	Mã phiếu điều chỉnh
chỉ của shop tham khảo api location. 7 total_quantity (number) Tổng số lượng có trong line_items 8 reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	5	tran_date (datetime)	Thời gian phát sinh giao dịch điều chỉnh
8 reason (string) - Lý do tạo phiếu, gồm: + newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	6	location_id (number)	
+ newproduct: Sản phẩm mới + returned: Hoàn trả	7	total_quantity (number)	Tổng số lượng có trong line_items
+ productionorgoods. San xuat them + damaged: Hu hỏng + shrinkage: Hao hụt + promotion: Khuyến mãi + transfer: Điều chuyển - Luu ý: nếu không truyền thì default là newproduct.	8	reason (string)	+ newproduct: Sắn phẩm mới + returned: Hoàn trả + productionofgoods: Sản xuất thêm + damaged: Hư hỏng + shrinkage: Hao hụt + promotion: Khuyến mãi + transfer: Điều chuyển - Lưu ý: nếu không truyền thì default là
9 note (string) Ghi chú	9	note (string)	Ghi chú
10 total_cost (number) Tổng số lượng có trong line_items	10	total_cost (number)	Tổng số lượng có trong line_items
11 line_items (array) - Danh sách variant. - Lưu ý: + Lượng variant có thể xử lý tốt nhất là 20 + Nếu số lượng nhiều thì nên chia ra nhiều lần.	11	line_items (array)	 - Lưu ý: + Lượng variant có thể xử lý tốt nhất là < 20 + Nếu số lượng nhiều thì nên chia ra
12 id (number) Id variant trong line_items	12	id (number)	Id variant trong line_items
13 product_id (number) Id sån phẩm	13	product_id (number)	Id sản phẩm
14 product_variant_id (number) Id variant	14	product_variant_id (number)	Id variant
15 quantity (number) Số lượng điều chỉnh hoặc ghi đè của variant	15	quantity (number)	
16 cost_amount (number) Giá của variant	16	cost_amount (number)	Giá của variant

2. API liên quan

- API lấy thông tin sản phẩm:
 - o https://docs.haravan.com/blogs/api-reference/1000018172-product
- API Location, lấy thông tin chi nhánh cửa hàng:
 - o https://docs.haravan.com/blogs/api-reference/1000018173-location

3. REST Admin API rate limits

- https://docs.haravan.com/blogs/omni/rest-admin-api-rate-limits